

Hành Trình Về Thời Đại
HÙNG VƯƠNG DỰNG NƯỚC
Lê Văn Hảo

CHƯƠNG XII
NHỮNG NGƯỜI NGHỆ SĨ TẠO HÌNH TÀI HOA

Thành tựu mỹ thuật của người Việt cổ thời đại dựng nước qua những tác phẩm đồ gốm, đồ trang sức, đồ đồng, qua những hoạt động về tạo dáng, vẽ hình, chạm khắc, tạo tượng...là bằng chứng rõ rệt về tài năng, khiếu thẩm mỹ của một cộng đồng người sống chan hoà với thiên nhiên và sống khăng khít với nhau trong các làng chạ. Nên mỹ thuật Việt cổ nhiều màu vẽ có những nét đẹp bình dị, chững chạc, hài hoà, một nội dung hiện thực, chân chất, phản ánh khá đầy đủ tư duy, tình cảm và cuộc sống con người thời đó.

Đồ gốm giai đoạn văn hoá Phùng Nguyên làm bằng bàn xoay. Đó là những đồ đựng, đồ nấu có kích thước khá lớn với những loại hình đa dạng. Kiểu đặc trưng nhất là loại đồ đựng chia làm 3 phần : phần trên loe rộng (để đựng) hay thon thuôn (để uống), phần giữa thót lại để dễ cầm nắm, phần đế hình nón cụt. Tỷ lệ hợp lý giữa chiều cao của 3 phần, độ phình, độ thót vừa phải, tính chững chạc kết hợp với tính sinh động của lối tạo dáng nổi, vò, bình, bát, cốc, chậu...là những đặc điểm cơ bản của nghệ thuật gốm Phùng Nguyên.

Đến giai đoạn văn hoá Đông Sơn, kiểu dáng đồ gốm được kế thừa và nâng cao đến mức hoàn thiện trong đồ đồng. Nổi tiếng như trống Ngọc Lũ, Hoàng Hạ, thạp Đào Thịnh, Việt Khê...là những di vật quý báu, ở đây nghệ sĩ dân gian Việt cổ thể hiện toàn diện tài năng sáng tạo của mình.

Trước hết về mặt tạo dáng. Kiểu dáng trống đồng, thạp đồng mang những đặc điểm có tính thẩm mỹ cao. Do kế thừa kiểu dáng gốm Phùng Nguyên, kết cấu trống đồng cũng chia làm 3 phần : tang trống phình vừa phải, thân trống là một hình viên trụ thót dần về phía dưới, chân trống hình nón cụt hơi choãi ra về phía đáy. Dáng trống chững chạc, cân xứng, hài hoà, gọn một cách giản đơn. Cái đẹp ở đây là sự ổn định về tỷ lệ giữa 3 phần của chiếc trống, độ phình của tang trống, độ thót của thân trống vừa phải, độ choãi của chân trống nhẹ nhàng.

Còn kết cấu hình khối của một chiếc thạp, loại có nắp, thì nằm gọn trong một hình bầu dục. Phần trên của thạp và phần dưới hơi thót vào, đoạn giữa phình vừa phải. Dáng thạp nghiêm túc, dịu dàng.

Kết cấu 3 phần của đồ gốm, của trống và thạp đồng là kết quả của sự phát triển tư duy

thẩm mỹ trong quá trình tìm tòi nhằm tạo ra những sản phẩm cân đối, vững vàng mà hài hoà, thanh thoát. Dao găm có cán hình người, rìu đồng lưỡi xéo các kiểu, đẹp một cách độc đáo, là những thí dụ tiêu biểu khác của thành tựu tạo dáng trong nền mỹ thuật Việt cổ.

NGHỆ THUẬT VẼ HÌNH TRÊN GỖ, TRÊN DA

Thời gian và khí hậu đã huỷ hoại mất phần lớn những hình vẽ trên các chất liệu không bền chắc.

Người Việt cổ có tục xăm mình : Đứng về góc độ mỹ thuật mà nhìn, tục lệ này là một hình thức vẽ màu đặc biệt trên da thịt. Một số mảnh gỗ và da thú có vẽ sơn còn sót lại đến nay với nước sơn còn bóng, màu sơn còn tươi đẹp, như các di vật tìm thấy trong chiếc quan tài ở ngôi mộ Việt Khê, cũng chứng tỏ rằng ở thời đại dựng nước đã phổ biến hình thức vẽ bằng màu, và ít nhất cũng có hình thức vẽ phẩm và vẽ sơn. Những màu sắc đã được sử dụng gồm có : vàng, đỏ gạch, xám, nâu, cánh gián, đen cùng những màu sắc của các màu ấy. Đề tài vẽ màu trên gỗ, trên da mà người Việt cổ ưa thích là các hoa văn hình học và các hình động vật : những vòng tròn đồng tâm, hình thoi, hình tam giác, hình hoa lá, hình rồng rắn.

Các loại hoa văn hình học phức tạp hơn, các hình vẽ khéo léo hơn, hiện thực hơn về người, động vật, phong cảnh là đề tài của nghệ thuật vẽ hình trên đồ gốm và đồ đồng.

Đó là những hoa văn khắc chìm trang trí các đồ gốm, những hoa văn khắc chìm và chạm nổi trang trí trên đồ đồng : người xưa đã vẽ trên đất rồi đem nung hoặc đổ khuôn.

NGHỆ THUẬT CHẠM KHẮC TRÊN ĐỒ GỐM, ĐỒ ĐỒNG

Do chất liệu tương đối bền vững, đồ gốm và đồ đồng đã trở thành những bằng cứ phong phú và quý báu của nghệ thuật khắc hoạ thời đại dựng nước còn để lại dấu vết cho tới nay.

Đồ gốm được trang trí hoa văn bằng cách : vạch, chải, in, đập, ấn, ghép. Sáu cách tạo hoa văn ấy chứng tỏ rằng kỹ thuật trang trí đồ gốm đã tinh vi, trình độ nghệ thuật của người thợ gốm đã khá cao.

Từ những yếu tố hình học giản đơn như đường thẳng, đường cong, chấm tròn và vòng tròn, rồi



Parure d'oreille

Pierre, culture de Sa Huỳnh. V^e siècle av. J.-C.

• 1^{er} siècle ap. J.-C., 5 x 4,8 cm

những đường song song chạy thẳng hoặc uốn lượn, những hình vuông, hình chữ nhật, hình tam giác...đến những mảnh trang trí hình răng lược, hình sóng nước, hình mắt lưới, hình nhài quạt...nghệ sĩ Việt cổ đã phối hợp các yếu tố hình học giản đơn thành những đồ án hoa văn kỳ hà phong phú, phức tạp, đặc sắc, vừa mang tính chất trang trí, vừa có ý nghĩa tượng trưng. Hoa văn sóng nước có lẽ biểu hiện sông, suối ; hoa văn vạch thẳng song song biểu hiện mưa ; hoa văn tam giác biểu hiện núi, các loại hoa văn cuốn chữ S biểu hiện mây, chớp ; hoa văn vòng tròn đơn, kép, liên kết hoặc không liên kết thành dải có lẽ thể hiện những khái niệm ước lệ rất đơn giản về trời đất, sinh vật. Hoa văn thường được bố cục theo từng dải tròn chạy chung quanh bề mặt tròn của đồ đựng và thường bị chi phối bởi những nguyên tắc của luật đối xứng.

Người thời Hùng Vương ưa trang trí đồ gốm của mình bằng các dải hoa văn có kết cấu phức tạp gồm những tiết liên tục (nối liền nhau) hay rời. Các họa tiết đóng kín, rời hay nối nhau đó thường đối xứng với nhau theo nguyên tắc đối xứng gương, đối xứng trục hay đối xứng tịnh tiến. Như vậy là người thời Hùng Vương đã có ý niệm rõ ràng về đối xứng và đã biết đến 3 kiểu đối xứng khác nhau từ đơn giản đến phức tạp. Đặc biệt quen thuộc là các đồ án đối xứng trục bậc 2. Như vậy đối với người thời xa xưa ấy cũng như đối với chúng ta ngày nay, sự đối xứng là một yếu tố của cái đẹp : những đồ án có đối xứng gương thường gây một cảm giác tĩnh, vững chắc, nghiêm trang, còn những đồ án có đối xứng trục thì trái lại, gây một cảm giác động, rộn ràng, linh hoạt. Trong nhiều bố cục ở nghệ thuật trang trí đồ gốm, nghệ sĩ thời đại Hùng Vương đã kết hợp tài tình cả hai kiểu đối xứng động và tĩnh ấy làm cho đồ án vững chắc mà không cứng nhắc, linh hoạt mà không giảm phần trang trọng (1).

Tính đối xứng và tính hài hoà của những hoa văn trang trí trên gốm đã được tôn trọng và phát triển như những nguyên tắc quan trọng của nghệ thuật Việt cổ.

Trên đồ đồng, lối chạm khắc chìm và chạm nổi được kết hợp để tạo ra những bố cục trang trí hoàn hảo : các bố cục hoa văn phù hợp một cách hữu cơ với những bề mặt bên ngoài của trống đồng, thạp đồng : các diềm trang trí được phân bố đều đặn giữa những đường tròn đồng tâm trên mặt trống, nắp thạp ; các dải hoa văn chạy tròn chung quanh tang trống, thân thạp, các băng hoa văn thể hiện theo chiều thẳng đứng của thân trống...tất cả những kết cấu hài hoà, có thể nói là khoa học đó, chứng tỏ một trình độ thẩm mỹ cao của nghệ sĩ dân gian thời Hùng Vương.

Các kết cấu hoa văn mang tính cân đối và tính nhịp điệu thật là đặc sắc, bút pháp trang trí bao gồm kỹ thuật khắc vạch bằng đường nét chuẩn xác, thuần thực, khái quát một cách sinh động các đối tượng miêu tả.



Ở chính giữa mặt trống và nắp thạp luôn luôn có hình mặt trời được biểu hiện ước lệ bằng hình ngôi sao nhiều cánh, từ 8 đến 16 cánh. Rồi những vành hoa văn hình học vây xung quanh mặt trời ; rồi những vành hoa văn miêu tả sinh hoạt thực tiễn của con người, miêu tả thiên nhiên, cầm thú. Mặt trống đồng Ngọc Lũ giống như một cuốn phim hào hứng làm hiện ra trước mắt chúng ta khung cảnh sinh hoạt, quang cảnh hội hè của làng xưa chạ cổ ; trong 4 ngôi nhà sàn (2 nhà mái cong, 2 nhà mái tròn) có những người đánh chiêng đánh cồng, những đôi gái

trai vừa hát đối đáp vừa chơi trò chông nụ chông hoa, bên cạnh nhà là 2 giàn trống với những người đang đứng ngồi già trống, với những đôi gái trai đứng già gạo chà tay, với những nhóm người (hay đám rước) vừa đi vừa múa sênh phách, thổi khèn, đánh chuông nhạc, quần tụ chung quanh con người đang mở hội cầu mùa, mừng công...là cả một thế giới động vật thân quen : gà (đứng trên mái nhà sàn), những đàn hươu nai đang đi, xen kẽ với những bầy chim đang bay hay đang đậu đủ loại, mỏ dài, đuôi dài, chân dài, cổ dài, đuôi ngắn, hoặc cổ ngắn đuôi ngắn : cò vạc, bò nông, xít, giang, sếu, công, trĩ, phượng hoàng đất, bói cá, cun cút...mỗi con mỗi vẻ.

Ở tang trống Ngọc Lũ, 6 chiếc thuyền lớn đang rong ruổi, trên thuyền có người bẻ lái, người đánh trống, người cầm lao, người bắn cung, lại có những nạn nhân thân phận bé nhỏ (nô lệ hay tù binh) bị trói giật khuỷu tay, bị túm tóc, bị dọa giết. Ở thân trống, những vũ sĩ cầm lao, cầm rìu chiến.

Ở trên các trống đồng và đồ đồng khác, hiện ra cảnh đua thuyền, đi thuyền đánh cá, cảnh đi săn, cảnh những người vũ trang sẵn sàng chiến đấu, những hình ảnh động vật quen thuộc với con người đương thời : chó, gà, cóc, nhái, cây cáo, cá sấu...

Một chủ nghĩa hiện thực hồn nhiên, sinh động có pha cách điệu và ước lệ nhưng vẫn rất gần gũi với cuộc sống, bao trùm toàn bộ hình thức diễn đạt của mảng nghệ thuật trang trí này. Nghệ sĩ dân gian ưa dùng những đường thẳng, đường gãy khúc và đường cong lớn, mà ít dùng sự tia tót, uốn lượn của những đường cong nhỏ, để mô tả các đối tượng (người, cảnh vật, sinh vật, đồ vật) ở mặt cạnh, mặt nghiêng theo lối bỏ cắt, hoàn toàn tôn trọng sự thực đến từng chi tiết và sắp đặt trong một bố cục đầy đặn, hài hoà. Người, chim, thuyền, hươu...không bao giờ thấy có mặt nhìn thẳng mà chỉ thấy có nhìn từ một bên. Qua lán mái nhà, có thể thấy cảnh trong nhà, qua lán váy xoè có thể thấy đôi chân. Nghệ sĩ dân gian chú ý dùng những ký hiệu để phân biệt, trong cả một toàn cảnh lớn, từng lối để tóc búi hay cắt tóc ngắn của người, giống đực hay giống cái của hươu nai.

Với kỹ thuật chạm khắc bằng những đường nét cô đọng, chính xác một cách thuần thực

điều luyện, với tài quan sát thiên nhiên và hoạt động thực tiễn của con người một cách nhạy bén, nghệ sĩ dân gian thời đại Hùng Vương đã sáng tạo những bức tranh sinh hoạt của con người Việt cổ, chân thật, khái quát, chọn lọc và thể hiện chủ đề khá rõ ràng.

NGHỆ THUẬT TẠO TƯỢNG

Dòng máu chân thực của cuộc sống cũng rõ nét trong nghệ thuật tạo tượng. Những bức tượng còn để lại tới ngày nay phần lớn là tượng nhỏ và tượng tròn. Chất liệu để làm tượng là đá, đất nung, đồng thau và những thủ pháp kỹ thuật chính là nặn tay, đúc, rèn, mài gọt.

Đề tài chính của tượng vẫn là con người, phần nhiều là ở trạng thái động : nhảy múa, thổi khèn, yêu đương....Đó là những nhóm tượng ; một số khác là tượng chân dung và hầu hết đều là chân dung phụ nữ.



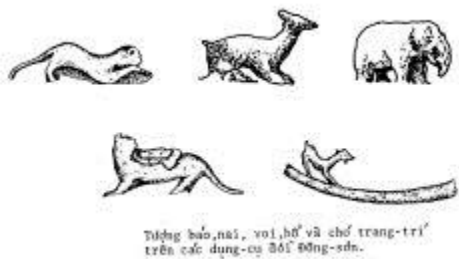
Tượng người bằng đá ở Văn Điển (Hà Nội) với dấu hiệu nam tính rõ ràng được tạo ra bằng kỹ thuật chế tác đá tổng hợp và tinh tế theo một ước lệ có cân nhắc kỹ càng và được khái quát hoá cao. Tính chất nghiêm túc cứng cỏi khắc khổ của pho tượng cho thấy có lẽ nghệ sĩ bị chi phối bởi ý thức tôn giáo. Tượng người ngồi xổm thổi khèn (trên cán muôi đồng Việt Khê, Hải Phòng) diễn tả

sinh động sắc thái bình dị ung dung của con người gắn với một nội tâm rạo rức, say sưa. Khối tượng hai người cồng nhau múa nhảy và thổi khèn ở Đông Sơn (Thanh Hoá) trông thật dí dỏm, lạc quan, cả hai đều như đang nhún nhảy theo nhịp khèn rộn rịp. Nhóm tượng cặp gái trai gắn bó trên nắp thạp Đào Thịnh (Yên Bái) có hình khối tròn lẳn diễn tả cái mộc mạc bình dị hồn nhiên của những ước mơ phồn thực : con người sinh sôi, đất đai phì nhiêu, mùa màng bội thu. Những chuỗi dao găm làm thành tượng người phụ nữ ở Hoà Bình, Hải Phòng, Thanh Hoá, Nghệ An - Hà Tĩnh...cho thấy tính nghệ thuật, mặc dù phải phục vụ tính thực dụng vẫn phản ánh khá rõ nét lối trang sức của chị em thời ấy, toát ra vẻ đẹp riêng của nữ giới. Tính hiện thực đã nâng cao giá trị của các pho tượng vừa có ý nghĩa trang trí vừa có ý nghĩa thực tiễn này : lối vấn tóc hay tết tóc, lối mặc váy dài thắt chèn ở hông, lối trang sức bằng vòng tay, hoa tai...là những chi tiết mà nghệ sĩ dân gian chú ý diễn tả. Trên chiếc âm đồng Đông Sơn có hình dáng một con chim cổ dài mỏ dài, nghệ sĩ miêu tả 4 người phụ nữ ngồi trên voi âm hình cổ con chim cùng với những nét hiện thực khá rõ, nhất là chi tiết về lối búi tóc ra đằng sau.



Cùng với tượng người, **tượng súc vật** cũng được diễn tả sinh động. Tượng đầu gà trống, tượng chim, tượng bò tìm được ở

Vĩnh Phú đều nặn bằng đất sét nung đều lửa, trông rất thật thà, phản ánh một nền kinh tế chăn nuôi gia đình đã ổn định. Tượng gà bằng đồng ở Hoà Bình được khái quát cô đọng mà thật duyên dáng, với một phong cách hiện thực vững vàng. Trong số hàng chục tượng động vật đã tìm được : tượng cóc, sóc, rùa, chó, hổ, ốc...có những nhóm tượng mô tả con vật ở trạng thái động như chó đón hươu, hổ vồ mồi. Ở những chiếc dao găm có chuôi đẹp mới tìm thấy tại di chỉ Làng Vạc (Nghệ Tĩnh), có chiếc chuôi được kết thúc bằng một tượng hình chó đứng được cách điệu hoá, lại có chiếc chuôi là hình hai con rắn một con có mào, một con không có mào, quấn lấy nhau, đầu ngẩng cao, miệng ngậm hai chân trước và hai chân sau một con voi có bành ở trên lưng; một chiếc dao găm khác cũng cùng một phong cách ấy nhưng voi lại được thay thế bằng chó. Voi, chó cùng với rắn kết hợp một cách khéo léo thành các cán dao găm vừa thanh thoát và duyên dáng mà không kém phần chắc chắn (2). Nghệ sĩ dân gian đã kết hợp một cách tài tình giữa trang trí và thực dụng.



Tượng hổ, nai, voi, hổ và chó trang-tr trí trên các dụng-cụ Đồng-Sơn.

Cũng như trong lĩnh vực chạm khắc, một chủ nghĩa hiện thực hồn nhiên và sinh động đã để lại dấu ấn sâu sắc trong phương pháp và phong cách tạo tượng. Trên mỗi tác phẩm nhỏ nhắn xinh xắn ấy, từ những chiếc vòng tay và hoa tai, những đường nét trang trí trên xống áo, vẽ say sưa, nghiêm trang hay ngộ nghĩnh, hóm hỉnh của con người...đến cái dáng nhún

minh của con chó, thế vận mình của con hổ, nét khái quát thanh tao của con gà...đều được chú ý diễn tả đúng đắn và kỹ lưỡng.

Cốt cách và chủ đề của con người hay con vật được nghệ sĩ chú ý nhận chân. Miêu tả người, nghệ sĩ dân gian cũng chú ý diễn đạt cả những sắc thái nội tâm, tính tình. Người thổi khèn ở Việt Khê bình dị, ung dung mà vẫn toát ra một vẻ say sưa nhiệt tình, hai người cồng nhau thổi khèn nhảy múa trông rất lạc quan yêu đời mà đượm vẻ hóm hỉnh tinh nghịch. Phong cách nghệ thuật phóng khoáng ấy phản ánh được phần nào tâm hồn phóng khoáng, sôi nổi của con người thời đại.



Phần lớn những pho tượng đều là tượng trang trí hoặc giúp vào việc trang trí : được gắn vào các đồ dùng hay trở thành một bộ phận hữu cơ của đồ dùng như vòi ấm, chuôi kiếm, chuôi dao, cán muôi. Một số ít là tượng mang tính chất tôn giáo, phục vụ cho tín ngưỡng tôn giáo tự nhiên, tín ngưỡng vật, tổ tín ngưỡng phồn thực.

MỸ THUẬT THỰC DỤNG TRONG ĐỜI SỐNG HÀNG NGÀY

Sản phẩm nghệ thuật Việt cổ có một bộ phận quan trọng là những đồ nghề, đồ dùng hàng ngày. **Đưa thẩm mỹ vào thực dụng**, hay nói cách khác, **từ cuộc sống bình thường mà phát triển thành mỹ thuật**, là một khuynh hướng dễ nhận thấy của người thời đại Hùng Vương.



Poignard
Bronze, Dong Son, 28,3 cm

Nhiều vật dụng bình thường cũng đồng thời là sản phẩm nghệ thuật. Từ những chiếc nồi, bình, mâm bồng bằng gốm giản đơn cho đến những chiếc trống đồng quý giá, tất cả đều được chú ý trong quá trình tạo dáng. Kết cấu 3 phần của chúng ta là một kết quả quan trọng trên con đường tìm tòi suy nghĩ nhằm tạo ra những sản phẩm cân đối, vững vàng mà thanh thoát, uyển chuyển. Những chiếc rìu đồng có lưỡi xéo các kiểu, đẹp một cách độc đáo, là một ví dụ tiêu biểu khác của thành tựu tạo dáng cho các vật dụng hàng ngày.

Nghệ thuật vẽ hình, chạm khắc và tạo tượng mang một chức năng trang trí phong phú và đặc sắc. Những đoản kiếm và dao găm đồng thau có chuôi làm bằng những tượng phụ nữ là một trường hợp điển hình của thành tựu trang trí cho các đồ dùng hàng ngày, kết hợp nhuần nhị sản phẩm thực dụng với sản phẩm thẩm mỹ, và trống đồng là đỉnh cao của sự thành công tổng hợp về nghệ thuật tạo dáng, chạm khắc, trang trí và nghệ thuật âm nhạc, một văn vật tiêu biểu cho cả một thời đại văn minh.

Những **đồ trang sức** phát triển rất phong phú là một thành tựu đặc sắc của mỹ nghệ thời Hùng Vương : vòng tay, hoa tai, nhẫn, hạt chuỗi bằng đá quý, đồng thau được gia công bằng một kỹ thuật chế tác tinh xảo, với một khiếu năng thẩm mỹ tinh tế để làm đẹp cho con người.

Các nghề **thêu, nạm, cẩn** làm tôn giá trị thẩm mỹ của quần áo và của các đồ dùng, đồ đựng bằng gỗ, bằng da còn để lại cho đến ngày nay những sản phẩm hoặc hình ảnh cụ thể : đồ da sơn có nạm cẩn những hình kỷ hà bằng kim loại đã tìm được ở Việt Khê (Hải Phòng) ; nhiều mẫu quần áo có trang trí đẹp của nhiều pho tượng phụ nữ cũng tìm được ở nhiều nơi : Thanh Hoá, Hoà Bình, Lào Cai, Yên Bái...

Các công trình xây dựng : nhà làng, nhà ở, nhà kho (mà ngôi nhà làng vùng Mường, ngôi nhà rông Tây Nguyên và ngôi đình miền xuôi ngày nay còn phảng phất dáng dấp) đã có

kiểu hay, dáng đẹp, cấu trúc độc đáo, lại được trang trí thêm những hình chim, hình gà... càng tăng thêm giá trị thẩm mỹ thực dụng. Những con thuyền đi sông, đi biển, thuyền chiến, thuyền đua, cũng có nhiều kiểu dáng đẹp : mũi cong, đuôi én, thân thuyền được trang trí những hình kỷ hà quen thuộc như chấm tròn, vòng tròn có tiếp tuyến, đoạn thẳng song song, đường gãy khúc.

MỘT NỀN NGHỆ THUẬT BÌNH DỊ HIỆN THỰC VÀ PHÓNG KHOÁNG

Như vậy là mỹ thuật thời Hùng Vương trong mọi lĩnh vực : **vẽ tranh, chạm khắc, tạo tượng, và mỹ nghệ** đều bắt nguồn từ cuộc sống thực tiễn của con người và trở lại hoà lẫn trong cuộc sống đó. Nội dung phản ánh của nó là những con người Việt cổ bình dị, gắn bó với cộng đồng làng chạ và những sinh hoạt bình thường, những con vật phần lớn hiền hoà, những chủ đề trang trí dịu dàng, duyên dáng tế nhị. Đó là nền mỹ thuật của một xã hội nông thôn mà vai trò của quần chúng là rất quan trọng. Tính chất dân chủ trong làng chạ đưa đến **tính chất dân chủ trong nghệ thuật** được biểu hiện ở những kích thước đều nhau của các đối tượng : hình người thường theo những tỷ lệ vừa phải, những khuôn mẫu giống nhau. Trong mỹ thuật thời đại Hùng Vương chưa thấy xuất hiện những hình tượng quái đản, những cảnh tượng dữ dội, những nhân vật quyền uy (thần, vua...) như trong nghệ thuật một số quốc gia phương Đông cổ đại như ở Ấn Độ, Ai Cập, Lưỡng Hà, cũng chưa thấy xuất hiện những hình mẫu mang tính chất thần thoại, huyền bí lối tạo thiết như trong nghệ thuật thời đại đồ đồng ở Trung Quốc. **Ở nền nghệ thuật thời đại dựng nước, luôn luôn nổi bật tính chất bình dị, hiện thực phóng khoáng về cuộc sống dân chủ bình đẳng của cộng đồng làng chạ Việt cổ.**

Nền nghệ thuật ấy mang mục đích trang trí rất rõ và nhiều khi mang **chức năng thực dụng**, do đó trở nên phổ biến. Mặt khác nó phản ánh trung thành thực tiễn xã hội và tình cảm, tư duy con người, nói lên được bản chất cần cù say sưa trong lao động tập thể (đi thuyền, đánh cá, giã gạo...), bản chất hồn hậu, lạc quan yêu đời, yêu nghệ thuật, yêu cuộc sống cộng đồng (hội hè múa hát tập thể...) nó phản ánh những ước mơ về con đàn cháu



Porte lampe,
Bronze, Dong Son, 1e - 3e siècle

lũ, mùa màng bội thu, những khái niệm về vũ trụ, những thực trạng xã hội, tinh thần cảnh giác sẵn sàng chiến đấu, ý chí quyết thắng bảo vệ lãnh thổ, giống nòi.

Nền nghệ thuật mang nội dung hiện thực ấy đã ghi lại **truyền thống vừa sản xuất vừa đánh giặc** của tổ tiên mà ngày nay chúng ta đang phát huy lên đỉnh cao.

Tính hiện thực sâu sắc đi đôi với nét cách điệu khéo léo, phong cách hồn nhiên trong sáng, phóng khoáng, kỹ thuật phát triển, với những tỷ lệ chuẩn xác, kết cấu hài hoà, cân xứng, vững chắc...tất cả đều chứng minh cho năng khiếu và trình độ thẩm mỹ cao của người Việt cổ. Vì thế mà nền nghệ thuật thời đại Hùng Vương đã có những ảnh hưởng lâu dài và xa rộng ở nhiều miền của Đông Nam Á.

Ngay trên đất nước ta, truyền thống nghệ thuật cổ xưa ấy vẫn được giữ gìn một cách bền bỉ : trống đồng vẫn được chế tạo trong thời bà Trưng, bà Triệu, Lý Bí, thời Lý - Trần, thời Tây - Sơn (3); dân tộc Mường anh em vẫn giữ tục lệ đúc trống đồng cho đến đầu thế kỷ thứ 19. Tài năng của những nghệ sĩ dân gian đầu tiên với những thành tựu độc đáo của một nền văn hoá nhân dân rực rỡ cách đây nhiều nghìn năm đã trở thành niềm tự hào sâu xa trong tư tưởng và tình cảm của dân tộc ta.

(1) - Hà Văn Tấn. **Người Phùng Nguyên và đối xứng**, tạp chí Khảo cổ học, số 3-4 (1969), tr 16-27.

(2) - Minh Hiên, **Di sản văn hoá Đông Sơn mới tìm được**, tạp chí Văn hoá Nghệ Thuật, số 34, tháng 10/1973

(3) - Chiếc trống đồng đúc thời Tây Sơn hiện trưng bày tại Viện bảo tàng lịch sử

Hết **Chương XII**, Xin Trở Lại <http://minhtrietviet.net/muc-luc-hvdcn/>